| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH BÌNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 02 – 2024
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Trần Quang Vinh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Chị Lê Thị Mỹ C và anh Bùi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ C và anh Bùi Văn Đ được mai mối, sau đó tự nguyện tìm hiểu được vài tháng rồi được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn, do không có thời gian. Thời gian đầu anh chị chung sống với nhau có hạnh phúc, nhưng khoảng 01 năm thì

phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cải vả với nhau, nên khi con chung được khoảng 05 tháng vào đầu năm 1998 thì vợ chồng ly thân với nhau đến nay mà không hàn gắn được. Hiện nay chị C và anh Đ mỗi người đều có cuộc sống riêng nên chị C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C với anh Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống thì chị C và anh Đ chỉ có 01 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 19/11/1997; hiện nay cháu M đã thành niên đủ 18 tuổi, đã lập gia đình có cuộc sống riêng nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do đã sống ly thân từ năm 1998 đến nay nên chị C và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Bùi Văn Đ trình bày*:

Về hôn nhân: Anh Bùi Văn Đ thống nhất với trình bày của chị Lê Thị Mỹ C về quá trình chung sống với nhau mà không có đăng ký kết hôn như trên. Do khi chung sống thì vợ chồng có mâu thuẫn, do cải vả, bất đồng quan điểm mà không giải quyết được nên anh chị sống ly thân từ năm 1998 đến nay mà không hàn gắn được. Nay mỗi người đều có cuộc sống riêng nên anh Đ thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị C, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C với anh Đ.

Về con chung: Anh Đ thống nhất chị C và anh Đ chỉ có 01 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 19/11/1997; hiện nay cháu M đã thành niên đủ 18 tuổi, đã lập gia đình có cuộc sống riêng nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do đã sống ly thân từ năm 1998 đến nay nên chị C và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến***:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ C. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ C với anh Bùi Văn Đ. Về con chung: Chị C và anh Đ có 01 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 19/11/1997; hiện nay cháu M đã thành niên đủ 18 tuổi, đã lập gia đình có cuộc sống riêng nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Giấy khai sinh Lê Thị Diễm M (Bản sao);

- Bản tự khai ngày 30/01/2024 của chị Lê Thị Mỹ C (Bản chính);

- Biên bản lấy lời khai anh Bùi Văn Đ ngày 30/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình;

- Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 30/01/2024 của chị Lê Thị Mỹ C và anh Bùi Văn Đ (Bản chính).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Bùi Văn Đ cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ C và bị đơn anh Bùi Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ C yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C với anh Bùi Văn Đ; anh Đ thống nhất với yêu cầu của chị C.

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*. Do đó, chị C và anh Đ chung sống với nhau từ năm 1996 mà đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Chị C và anh Đ xác định khi chung sống với nhau thì anh chị có mâu thuẫn do cải vả, bất đồng quan điểm mà không giải quyết được nên anh chị sống ly thân từ năm 1998 đến nay đã 26 năm mà không hàn gắn được; hiện nay anh chị đều đã có cuộc sống riêng không còn liên hệ với nhau. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị C và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị C và anh Đ không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*".

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh Đ xác định anh chị có 01 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 19/11/1997. Chị C và anh Đ đều không có yêu cầu giải quyết về con chung do cháu M đã thành niên đủ 18 tuổi, đã lập gia đình có cuộc sống riêng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ C và anh Bùi Văn Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Bùi Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ C.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ C  anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 19/11/1997 đã thành niên đủ 18 tuổi, đã lập gia đình có cuộc sống riêng, chị C và anh Đ đều không có yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ C và anh Bùi Văn Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Mỹ C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006310 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị C đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Văn Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Thùy Trang**